

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 01/2000/QĐ.UB

Cần Thơ, ngày 14 tháng 01 năm 2000

Quyết Định Của UBND Tỉnh Cần THƠ
V/v ban hành quy định cụ thể về chính sách dân số -
kế hoạch hóa gia đình

ỦY BAN NHÂN DÂN Tỉnh Cần THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21-06-1994;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị BCH TW lần thứ tư (khóa VII) về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Chỉ thị 37/TTg ngày 17/01/1997 của Thủ tướng Chính phủ "V/v đẩy nhanh thực hiện Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000";

Theo đề nghị của Chủ nhiệm ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh,

Quyết Định :

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 29/1999/QĐ.UBT ngày 23/3/1999 của UBND tỉnh Cần Thơ. Những quy định trước đây trái với nội dung Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ nhiệm ủy ban DS - KHHGD tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ , thị xã Vị Thanh và các huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN Tỉnh Cần THƠ
Chủ Tịch
LÊ NAM GIỚI

QUY Định

Cụ Thể Về Chính Sách DÂN SỐ-
Kế Hoạch HÓA GIA ĐÌNH

**(Ban hành theo Quyết định số : 01/2000/QĐ.UB
ngày 14 tháng 01 năm 2000 của UBND tỉnh Cần Thơ)**

Sau 6 năm (1993 - 1999) triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 BCH TW Đảng (khóa VII) về chính sách Dân số- Kế hoạch hóa gia đình (viết tắt DS - KHHGD), công tác DS- KHHGD tỉnh ta đã đạt những kết quả đáng khích lệ: tỷ suất sinh giảm bình quân 0,05% mỗi năm, tỷ lệ tăng tự nhiên dân số từ 2,09% năm 1993 giảm còn 1,56% năm 1999; nhận thức về DS- KHHGD trong nội bộ và các tầng lớp nhân dân nâng lên rõ rệt; phong trào thực hiện chính sách DS- KHHGD đã được mở rộng, mô hình và điển hình tốt về công tác DS- KHHGD ngày càng phát triển .

Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa thực sự vững chắc và còn thấp so với yêu cầu, mức sinh vẫn còn khá cao ở các xã nông thôn vùng sâu, xa của tỉnh, điều kiện đáp ứng thông tin và dịch vụ KHHGD còn nhiều khó khăn; một bộ phận dân cư chưa hiểu và chấp hành đầy đủ chính sách DS - KHHGD.

Nhằm thực hiện thống nhất một số quy định cụ thể về chính sách DS- KHHGD trong tỉnh, tạo điều kiện để cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị và nhân dân hiểu và chấp hành đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về DS- KHHGD, UBND tỉnh ban hành “Quy định cụ thể về chính sách DS - KHHGD”, bao gồm những nội dung sau :

CHƯƠNG I

Những quy định chung

Điều 1. Trách nhiệm thực hiện chính sách DS - KHHGD:

Thực hiện chính sách DS- KHHGD là quyền lợi và trách nhiệm của toàn xã hội, của mọi công dân, là trách nhiệm chỉ đạo thường xuyên của các cấp chính quyền, các ngành, UBMTTQ, các đoàn thể, các đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội, các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh:

a) Mọi công dân cư trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh đều được quyền thông tin, giáo dục về DS - KHHGD và có nghĩa vụ thực hiện chính sách DS - KHHGD.

b) Thông qua công tác tuyên truyền, vận động, trên cơ sở tự giác vì lợi ích của gia đình và xã hội, tất cả các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đang cư trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh đều phải đăng ký cam kết (theo mẫu thống nhất của ủy ban DS- KHHGD tỉnh Cần Thơ quy định) thực hiện KHHGD và chỉ sinh từ 1- 2 con. Cán bộ, công chức, người lao động kinh doanh nghiệp Nhà nước, chiến sĩ lực lượng vũ trang đăng ký tại cơ quan, xí nghiệp, đơn vị nơi công tác; các đối tượng khác đăng ký tại UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

c) Các cấp chính quyền, các ngành, UBMTTQ, các đoàn thể, đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ chương trình mục tiêu DS - KHHGD hàng năm được giao để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu DS- KHHGD; đồng thời thực hiện tốt chế độ báo cáo lên cấp trên theo quy định.

d) Kết quả thực hiện kế hoạch DS - KHHGD hàng năm là một chỉ tiêu trong các chỉ tiêu KT- XH và là một trong những tiêu chuẩn để UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị đánh giá xếp loại khen thưởng thực hiện nhiệm vụ chính trị và danh hiệu thi đua của địa phương, cơ quan, đơn vị cũng như của từng cá nhân.

CHƯƠNG II

Những quy định cụ thể

Điều 2. Số con của mỗi cặp vợ chồng, tuổi sinh con đầu lòng và khoảng cách sinh con:

a) Mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ chỉ sinh 1 hoặc 2 con (sống); 2 lần sinh cách nhau ít nhất từ 3 năm trở lên. Tuổi sinh con đầu lòng của người vợ nên sau 22 tuổi.

b) Cặp vợ chồng tái hôn, nếu một hoặc cả hai người đã có con riêng thì chỉ được sinh thêm 1 con chung.

c) Trường hợp sinh đôi (trở lên) vào lần thứ nhất mà các con còn sống thì được coi là đủ số con quy định. Trường hợp đã có 1 con mà sinh lần thứ 2 sinh đôi (trở lên) thì không coi là vi phạm quy định.

d) Cặp vợ chồng đã có 2 con nhưng 1 hoặc 2 con bị dị tật, bị tai nạn hay bệnh tật không có khả năng phục hồi thì có thể được sinh thêm 1 con. Những cặp vợ chồng mắc bệnh, có tính di truyền không nên sinh con, khuyến khích nhận con nuôi.

Điều 3. Các chỉ tiêu về DS - KHHGD:

Các chỉ tiêu về DS- KHHGD bao gồm: chỉ tiêu giảm tỷ suất sinh, chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên và chỉ tiêu tăng tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai, đây là một trong những chỉ tiêu chính để xem xét thi đua và công nhận hoàn thành kế hoạch kinh tế- xã hội của địa phương, đơn vị.

Điều 4. Chính sách khuyến khích đối với cá nhân thực hiện chính sách DS - KHHGĐ:**a) Đối với người chấp nhận thực hiện biện pháp tránh thai:**

Người đăng ký sử dụng một trong các biện pháp tránh thai (như đình sản, đặt dụng cụ tử cung, dùng thuốc, dùng bao cao su) được tạo điều kiện thuận lợi để chọn lựa, thực hiện một biện pháp tránh thai phù hợp và được hưởng chế độ Nhà nước quy định. Sau khi thực hiện một trong các biện pháp tránh thai nói trên, được cơ sở y tế Nhà nước gần nhất theo dõi sức khỏe, nếu có tai biến do áp dụng biện pháp tránh thai gây ra thì được điều trị và được miễn chi phí dịch vụ y tế theo quy định của Bộ Y tế, ủy ban Quốc gia DS - KHHGĐ và UBND tỉnh.

a.1 Đình sản:

Người tự nguyện chấp nhận thực hiện biện pháp đình sản được miễn phí dịch vụ, được cấp một cơ sở thuốc, tiền bồi dưỡng và giấy chứng nhận bảo hiểm sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế, ủy ban Quốc gia DS - KHHGĐ; riêng đối với đình sản nữ được miễn phí giường bệnh trong 3 ngày.

Tùy theo tình trạng sức khỏe của người đình sản (kể cả người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân) được đơn vị, cơ quan miễn lao động theo đề nghị của cơ quan y tế và được trả nguyên lương; riêng đối với nhân dân, chính quyền địa phương xem xét không huy động lao động công ích (hoặc đóng góp bằng tiền) trong thời gian được cơ quan y tế đề nghị miễn lao động.

Nếu ở địa phương nơi cư trú có lập và thực hiện các dự án cho vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ xóa đói giảm nghèo cũng như khi thực hiện các dự án khác... thì người đình sản được ưu tiên quan tâm xem xét, tạo điều kiện để phát triển sản xuất, tăng thu nhập gia đình.

a.2 Đặt vòng tránh thai: (đặt dụng cụ tử cung)

Người sử dụng biện pháp đặt vòng, khi thực hiện tại cơ quan y tế được miễn phí dịch vụ, được cấp vòng và cho một cơ sở thuốc theo quy định của Bộ Y tế, ủy ban Quốc gia DS - KHHGĐ.

Tùy theo tình trạng sức khỏe của người thực hiện đặt vòng (kể cả người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân) được đơn vị, cơ quan miễn lao động theo đề nghị của cơ quan y tế và được trả nguyên lương; riêng đối với nhân dân, chính quyền địa phương xem xét không huy động lao động công ích (hoặc đóng góp bằng tiền) trong thời gian được cơ quan y tế đề nghị miễn lao động.

a.3 Tháo vòng:

Trường hợp tháo vòng có lý do chính đáng như: Do viêm nhiễm, do hết tuổi sinh đẻ, do có nhu cầu thay đổi biện pháp tránh thai hoặc để sinh con theo kế hoạch thì được cơ quan y tế giúp đỡ thực hiện, được miễn phí dịch vụ và được cấp thuốc thiết yếu theo quy định của Bộ Y tế, ủy ban Quốc gia DS - KHHGĐ.

a.4 Nạo thai, hút điều hòa kinh nguyệt:

Nạo thai (hay hút điều hòa kinh nguyệt) tại cơ sở y tế Nhà nước thì được tạo điều kiện thuận lợi, miễn phí dịch vụ và cấp thuốc thiết yếu, áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Cặp vợ chồng đã thực hiện biện pháp đình sản hoặc đặt vòng tránh thai do một cơ sở y tế Nhà nước trong tỉnh thực hiện mà vẫn có thai.
- Những phụ nữ thuộc những hộ đói nghèo đã đăng ký và thực hiện biện pháp tránh thai mà vẫn có thai.

b) Đối với người tham gia thực hiện chương trình DS- KHHGĐ:

b.1 Người trực tiếp làm kỹ thuật dịch vụ KHHGĐ, người trực tiếp làm công tác tư vấn, vận động đối tượng thực hiện KHHGĐ được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định của Liên

Bộ Y tế- ủy ban Quốc gia DS- KHHGD và theo hướng dẫn hàng năm của ủy ban Quốc gia DS - KHHGD.

b.2 Hàng năm, những cá nhân đạt thành tích xuất sắc về công tác DS - KHHGD được xem xét khen thưởng theo quy định của Chính phủ và các Bộ ngành chức năng.

b.3 Đối với những gia đình tiêu biểu về thực hiện chính sách DS - KHHGD sẽ được xem xét đề nghị các cấp khen thưởng.

b.4 Cán bộ y tế làm chuyên trách DS - KHHGD các cấp (tỉnh, huyện, xã) được tham gia với cơ sở y tế Nhà nước làm kỹ thuật dịch vụ KHHGD; tổ chức làm dịch vụ KHHGD dưới hình thức tập thể theo quy định của pháp lệnh hành nghề y - được tư nhân và phải được Sở Y tế cấp giấy phép.

Điều 5. Chính sách khuyến khích đối với tập thể thực hiện chính sách DS - KHHGD:

1- Hàng năm UBND tỉnh xét khen thưởng những đơn vị, tập thể đạt thành tích toàn diện và thực hiện chương trình DS- KHHGD, trong đó các chỉ tiêu giảm tỷ suất sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên và tăng tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai là các chỉ tiêu chính để xét khen thưởng.

2- Đối với những địa phương (xã, phường, thị trấn), đơn vị đạt thành tích 5 năm liên không có người sinh con thứ 3 trở lên, không có tảo hôn, tỷ lệ sinh và tỷ lệ tăng tự nhiên dân số dưới mức trung bình của tỉnh sẽ được UBND tỉnh xét khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên khen thưởng.

Điều 6. Các hình thức xử lý vi phạm chính sách DS - KHHGD:

a) Đối với cá nhân:

a.1 Những cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ vi phạm chính sách DS - KHHGD, sinh con thứ 3 (trở lên), nếu là đảng viên, cán bộ, công chức, người lao động trong doanh nghiệp Nhà nước, chiến sĩ lực lượng vũ trang thì đưa ra kiểm điểm giáo dục tại đơn vị cơ sở và xử lý theo quy định tại Chỉ thị 50/CT.TW ngày 6/5/1995 của Ban Bí thư TW Đảng (khóa VII), Chỉ thị 37/TTg ngày 17/1/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 06/CT.TU ngày 24/2/1997 của Thường vụ Tỉnh ủy. Các trường hợp khác trong nhân dân đưa ra kiểm điểm giáo dục tại khu dân cư và giải quyết theo cam kết với chính quyền địa phương.

a.2 Cán bộ DS - KHHGD, cán bộ y tế làm kỹ thuật dịch vụ KHHGD để xảy ra tai biến, có trách nhiệm phối hợp khắc phục hậu quả; nếu do thiếu tinh thần trách nhiệm thì tùy mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật thích đáng, trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

a.3 Cá nhân có những hành vi vận động người khác không tán thành hoặc tuyên truyền chống lại chính sách DS - KHHGD sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

b) Đối với tập thể:

Chính quyền xã, phường, thị trấn, cơ quan , đơn vị cơ sở có cá nhân vi phạm a.1 Điều 6 nêu trên bị trừ điểm thi đua khi xem xét công nhận danh hiệu ‘Cơ sở trong sạch vững mạnh’, xem xét hoàn thành kế hoạch và thành tích thi đua khen thưởng hàng năm. Nếu do thiếu trách nhiệm, không thực hiện tốt nhiệm vụ thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý kỷ luật hành chính.

Điều 7. Kinh phí đầu tư cho chương trình DS - KHHGD:

Kinh phí đảm bảo các hoạt động của chương trình DS- KHHGD được cấp từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ theo khả năng cân đối của địa phương, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân, tài trợ của quốc tế và từ nguồn vốn lồng ghép của các chương trình, dự án KT - XH trên địa bàn.

CHƯƠNG III

Điều khoản thi hành

Điều 8. Giao Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch UBND TP. Cần Thơ và các huyện phối hợp với UBND TPCT, các đoàn thể tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định về chính sách DS- KHHGD của tỉnh:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động bằng nhiều hình thức đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh để mọi người nhận thức và tự giác thực hiện KHHGD, mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con, đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm những trường hợp cố tình không thực hiện chính sách DS - KHHGD.

b) Hàng năm, UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch công tác DS - KHHGD trên cơ sở xem xét việc xây dựng kế hoạch DS - KHHGD của các Ban Dân số xã, phường, thị trấn và đề nghị của Chủ tịch UBND TPCT, các huyện đã được ủy ban DS- KHHGD tỉnh thống nhất. UBND TPCT, các huyện, UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ tình hình cụ thể của địa phương mà xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm về kinh phí để đảm bảo yêu cầu các hoạt động DS - KHHGD của địa phương; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách, kế hoạch DS - KHHGD, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

c) Ủy ban DS - KHHGD TP. Cần Thơ, các huyện quan tâm việc bố trí, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngành dân số, ổn định đội ngũ cán bộ chuyên trách và phát triển lực lượng cộng tác viên. Khi địa phương có yêu cầu chuyển cán bộ chuyên trách công tác dân số thì nhất thiết phải trao đổi thống nhất ý kiến với ủy ban DS - KHHGD tỉnh.

d) Ngành Y tế đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời các phương tiện, dụng cụ, thuốc men và cán bộ chuyên môn để thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và KHHGD, tư vấn và cung cấp các dịch vụ tránh thai, sức khỏe sinh sản đảm bảo thuận tiện, an toàn và hiệu quả. Quản lý tốt hệ thống các cơ sở hành nghề y được tư nhân, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và dịch vụ KHHGD của nhân dân.

e) Hàng năm ủy ban DS - KHHGD tỉnh, TP. Cần Thơ và các huyện phối hợp với cơ quan thống kê cùng cấp giám sát đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu dân số - kế hoạch hóa được giao. Cục Thống kê tỉnh công bố kết quả chỉ tiêu giảm tỷ suất sinh của tỉnh, TP. Cần Thơ, các huyện; Phòng Thống kê TPCT và các huyện công bố kết quả chỉ tiêu giảm tỷ suất sinh của các xã, phường, thị trấn, thuộc địa bàn thành phố, huyện.

f) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND TPCT, các huyện và đề nghị UBND TPCT cùng các đoàn thể, các tổ chức xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và điều kiện của địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng các quy ước cụ thể về công tác DS - KHHGD, tổ chức thực có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình kinh tế- xã hội với chương trình DS- KHHGD trên địa bàn của đơn vị.

g) Các Sở, ban, ngành, tỉnh, UBND TPCT, thị xã Vị Thanh và các huyện khi soạn thảo các văn bản pháp qui có liên quan đến chính sách DS- KHHGD cần tham khảo ý kiến của ủy ban DS- KHHGD tỉnh trước khi ban hành hoặc trình UBND tỉnh ban hành.

Điều 9. Giao Chủ nhiệm ủy ban DS- KHHGD tỉnh phối hợp với cơ quan hữu quan, các địa phương tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và báo cáo tình hình thực hiện quy định này về UBND tỉnh để chỉ đạo kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN Tỉnh Cần THƠ

**Chủ Tịch
LÊ NAM GIỚI**